TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày: 16/7/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;

2. Ông Phan Văn Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Hải Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 591/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025, quyết định hoãn phiên toà số 84/2025/QĐST-DS ngày 28/5/2025, thông báo mở lại phiên toà số 02/TB-TA ngày 07/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Trần Thị Kim A, sinh năm: 1969; địa chỉ: khu phố C, thị xã C, tỉnh Tây Ninh), vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Minh Đ, sinh năm: 1974;

2. Anh Lê Gia B, sinh năm 1997;

3. Chị Lê Gia H, sinh năm 2005, cùng địa chỉ: khu phố C, xã C, tỉnh Tây Ninh (ông Đ, anh B, chị H vắng mặt).

- *Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đ, anh B, chị H1*: anh Lê Phước Ý, sinh năm 1995, địa chỉ: khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản uỷ quyền đề ngày 11/11/2024, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Trần Kim A trình bày:

Bà và bà C, ông Đ, chị H, anh B, ông Đ1, bà T không có quan hệ bà con ruột thịt. Bà và bà C, ông Đ, anh B, ông Đ1, bà T chỉ có quan hệ quen biết ở gần nhà nhau.

Bà có tham gia góp hụi do bà Trần Thị Kim C làm chủ hụi từ trước năm 2017-2018, bà đã hốt hụi và đóng hụi chết đầy đủ, các dây hụi đều đã mãn. Vào năm 2022, bà có tham gia góp 01 dây hụi do bà Trần Thị Kim C làm chủ hụi, cụ thể:

Dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 20/6/2022 dương lịch, gồm 25 phần hụi mãn ngày 20/6/2024 dương lịch; bà tham gia 04 phần với tên trong danh sách hụi là "chị O hoàng" bà đã hốt được 01 phần hụi vào ngày 25/7/2023, được số tiền 109.000.000 đồng, trừ cò 2.500.000 đồng, trừ số tiền hụi sống phải đóng lại là 12.000.000 đồng. Số tiền bà được nhận là 94.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà đóng hụi chết đầy đủ cho đến ngày bà C chết. Bà còn nợ lại bà C là 10 kỳ hụi chết với số tiền 50.000.000 đồng. Còn lại 03 phần hụi sống bà đóng được 16 kỳ với số tiền hụi gốc là 4.000.000 đồng x 16 kỳ x 3 phần = 192.000.000 đồng. Đến kỳ hụi thứ 16 tháng 9/2023 (dương lịch) thì bà C chết nên bà ngưng đóng hụi sống, hụi chết. Sau khi bà C chết bà có gặp ông Đ là chồng của bà C và các con của bà C để chốt lại số tiền hụi sống, hụi chết và yêu cầu trả tiền hụi sống cho bà nhưng ông Đ và các con hứa hẹn không trả cho bà. Bà có báo với anh B về việc cấn trừ hụi chết của bà và hụi chết của các hụi viên khác thì anh B đồng ý. Việc thoả thuận này giữa bà và anh B không lập văn bản giấy tờ gì chỉ thoả thuận bằng lời nói.

Bà có cấn trừ với con của ông P được số tiền hụi chết là 48.000.000 đồng, bà đồng ý cấn trừ số tiền trên vào số tiền hụi sống bà đã đóng. Bà đồng ý cấn trừ vào số tiền hụi chết 50.000.000 đồng bà còn nợ lại bà C vào số tiền hụi sống bà đã đóng cho bà C và anh B.

Tổng cộng tiền hụi gốc hiện nay bà C còn nợ lại của bà là 94.000.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Đ, chị H, anh B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 94.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà không yêu cầu ông Trần Văn Đ1, bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ liên đới cùng ông Đ, chị H, anh B trả cho bà số tiền 94.000.000 đồng. Bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà đối với số tiền hụi gốc 98.000.000 đồng.

Do bà nhớ nhầm, tính toán sai nên nay bà nhớ lại và tính toán lại nên thay đổi lời khai khác so với lời khai ngày 04/12/2024.

Về án phí, chi phí tố tụng bà đề nghị Toà án xem xét theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H - anh Lê Phước Ý trình bày:

Thứ nhất: Ông Đ, anh B, chị H không làm chủ hụi của bà Kim A. Trước đây, ông Đ kinh doanh hoa tươi, còn bà C là vợ ông Đ làm chủ thảo hụi và cho vay tiền góp. Đến đầu năm 2020, bà C bị nhiều người giật hụi và vỡ nợ nên đã lấy tài sản ở nhà đem bán trả nợ nên ông Đ không đồng ý cho bà C làm hụi và cho vay nữa nhưng bà C không nghe nên vợ chồng kinh tế riêng, việc làm ăn của bà C thì ông Đ không biết.

Thứ hai: Do không biết bà C tổ chức bao nhiêu dây hụi và những ai tham gia hụi của bà C nên ông Đ, anh B, chị H không thừa nhận việc bà Kim A có chơi hụi của bà C.

Do đó, ông Đ, anh B, chị H yêu cầu bà Kim A cung cấp các giấy tờ bản chính liên quan đến việc bà C tổ chức góp hụi và đóng hui đối với dây hụi mà bà Kim A đã khởi kiện.

Lý do để làm rõ nội dung có hay không bà Kim A tham gia góp hụi với bà C và nếu có góp hụi thì tổng số tiền góp hụi là bao nhiêu để ông Đ, anh B, chị H xem xét thương lượng theo quy định của pháp luật.

Sau khi được tiếp cận tài liệu chứng cứ trong vụ án thì ông Đ, anh B, chị H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim A đối với việc bà Kim A yêu cầu ông Đ, anh B, chị H, ông Đ1, bà T cùng liên đới trả số tiền góp hụi của bà C là 135.000.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Bị đơn ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Về án phí, chi phí tố tụng đề nghị Toà án xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, anh B, chị H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 471, 615, 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim A đối với ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

Buộc ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H có nghĩa vụ liên đới cùng trả cho bà Trần Thị Kim A số tiền hụi là 94.000.000 (chín mươi bốn triệu) đồng. Ông Lê Minh Đ có nghĩa vụ liên đới trên toàn bộ tài sản mà ông Đ có; anh Lê Gia B, chị Lê Gia H có nghĩa vụ liên đới trong phạm vi di sản thừa kế của bà Trần Thị Kim C, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Ghi nhận bà A không yêu cầu tính lãi.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim A đối với số tiền hụi gốc 98.000.000 (chín mươi tám triệu) đồng.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại" được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú hiện nay tại khu phố C, xã C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 - tỉnh Tây Ninh.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Trần Kim A đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H vắng mặt có người đại diện theo uỷ quyền là anh Lê Phước Ý có mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A, ông Đ, anh B, chị H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim A yêu cầu ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hụi gốc số tiền 94.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thấy rằng.

Xét danh sách hụi do bà A cung cấp thấy rằng đối với danh sách hụi 5.000.000 đồng khui ngày 20/6/2022 có chữ ký chữ viết họ tên của bà Trần Thị Kim C vào mục chủ hụi tên trong danh sách hụi của bà A là "Chị oanh hoàng" số thứ tự 12, 13, 14, 15. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành lấy lời khai của một số hụi viên có tham gia hụi chung với bà A như bà Trần Thị T1 khai có tham gia hụi chung với bà A trong dây hụi trên, bà góp 3 phần tên trong danh sách hụi của bà T1 là "Vui chợ" số thứ tự trong dánh sách 5, 6, 7. Bà A có tham gia góp 4 phần đã hốt hết 1 phần, tổng số tiền hụi gốc bà A đã góp được trong 3 phần hụi còn sống là 192.000.000 đồng. Bà Bùi Thị Thu H2 khai bà có tham gia góp hụi chung với bà A trong dây hụi trên, bà góp 4 phần tên trong danh sách hụi của bà là "Cô giáo H2" số thứ tự 16, 17, 18, 19, tổng số tiền hụi gốc bà A đã góp được trong 3 phần hụi còn sống là 192.000.000 đồng. Như vậy có căn cứ xác định bà A có tham gia góp hụi do bà C làm chủ hụi theo như bà A trình bày và số tiền vốn góp bà A góp được là là 192.000.000 đồng.

Bà Kim A thừa nhận có cấn trừ được tiền hụi chết của con ông P số tiền 48.000.000 đồng, bà đồng ý cấn trừ vào số tiền hụi sống. Bà đồng ý cấn trừ số tiền hụi chết của bà còn nợ lại bà C là 50.000.000 đồng vào số tiền hụi sống, bà đã đóng cho bà C và anh B. Như vậy tổng cộng tiền hụi gốc hiện nay bà C còn nợ lại của bà là 94.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà A về yêu cầu ông Đ, anh B, chị H, cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi cho bà A thấy rằng: bà C đã tổ chức nhiều dây hụi trong nhiều năm liên tục. Ông Đ và bà C là vợ chồng, bà C tổ chức hụi và có thu tiền hoa hồng, tiền hoa hồng thu được bà C phục vụ chung cho cuộc sống gia đình. Ông Đ biết việc bà C tổ chức hụi nhưng không ngăn cản, một số hụi viên khai ông Đ, anh B là những người có nhận tiền hụi vốn do các hụi viên góp. Như vậy ông Đ và bà C phải có nghĩa vụ liên đới vợ chồng trả tiền hụi lại cho các hụi viên trên toàn bộ tài sản mà ông Đ và bà C có. Đối với yêu cầu buộc anh B, chị H cùng nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà A thấy rằng: anh B, chị H là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C nên chỉ phải chịu nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi cho bà A trên giá trị tài sản của anh B, chị H được thừa kế của bà C.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bà A rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi 98.000.000 (chín mươi tám triệu) đồng. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 10 - tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

[4] Về án phí: theo quy định tại Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ông Đ, anh B, chị H phải chịu án phí trên yêu cầu khởi kiện của bà A được chấp nhận.

Bà A không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471, 615, 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim A đối với ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

Buộc ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Kim A số tiền hụi gốc là 94.000.000 (chín mươi bốn triệu) đồng.

Ông Lê Minh Đ có nghĩa vụ liên đới trên toàn bộ tài sản mà ông Đ có; anh Lê Gia B, chị Lê Gia H có nghĩa vụ liên đới trong phạm vi di sản thừa kế của bà Trần Thị Kim C, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Ghi nhận bà A không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu xét xử của bà Trần Thị Kim A đối với số tiền hụi gốc 98.000.000 (chín mươi tám triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự:

Ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H cùng có nghĩa vụ liên đới phải chịu 4.700.000 (bốn triệu bảy trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Minh Đ có nghĩa vụ liên đới trên toàn bộ tài sản mà ông Đ có; anh Lê Gia B, chị Lê Gia H

có nghĩa vụ liên đới trong phạm vi di sản thừa kế của bà Trần Thị Kim C, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Bà Trần Thị Kim A không phải chịu án phí hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.375.000 (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0010113 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựthì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu trữ tại TAND khu vực 10;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân